

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/11/2019.

“Về việc ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phong

2. Ông Ngô Đình Bảo Thiện

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2019, về việc: “Ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-DS ngày 15/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số **80/2019/QĐST-HNGĐ** ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng M – Sinh năm 1978 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng M trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H sống chung như vợ chồng vào năm 1998 không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, tự tìm hiểu trong khoảng thời gian. Sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà riêng tại nhà ở khu phố P, thị trấn P1. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn hai bên tự ý bỏ nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông H có hay kiểm chuyện vô cớ chửi bà, sống không hợp ý dẫn đến cãi nhau. Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc và không thể kéo dài, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Về con cái: Vợ chồng thống nhất có 05 người con chung tên là: Nguyễn Thị C – sinh năm 1998, Nguyễn Văn P2 – sinh năm 2000, Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011. Hiện nay các con Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn P2 đã lớn không yêu cầu giải quyết, đối với Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh

năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011 tôi xin nuôi các con và yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi cháu 500.000đ/tháng. Về nợ và tài sản không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt nên không có lời khai.

Tại Tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Võ Thị Hồng M, giao cháu Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011 cho chị Võ Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011 mỗi cháu 500.000đ/tháng (Năm trăm đồng mỗi tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi có khả năng lao động được.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn H không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng ông đã không đến Tòa, chứng tỏ ông đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nên Tòa đã giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-DS ngày 15/10/2019 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Qua thẩm tra tài liệu, chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn P1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Theo lời khai của các bên qua hòa giải và tại phiên tòa hôm nay thì hai bên thống nhất là ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Hồng M chung sống như vợ chồng một thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn. Nay cả hai xác định không còn tình cảm gì với nhau nên bà M đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về con chung: Bà Võ Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn H thống nhất có 05 người con chung tên: Nguyễn Thị C – sinh năm 1998, Nguyễn Văn P2 – sinh năm 2000, Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011. Hiện nay các con Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn P2 đã lớn không yêu cầu giải quyết nên tòa không xem xét, đối với Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011 thì bà Võ Thị Hồng M xin nuôi các con và yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi cháu 500.000đ/tháng là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

4. Về tài sản: Bà Võ Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn H đều thống nhất là tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị Hồng M là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Khoản 1 Điều 14; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Võ Thị Hồng M, giao cháu Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011 cho chị Võ Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị C1 - sinh năm 2004, Nguyễn Thị Y – sinh năm 2008, Nguyễn Văn T – sinh năm 2011 mỗi cháu 500.000đ/tháng (Năm trăm đồng mỗi tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi có khả năng lao động được.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về án phí, lệ phí:

Bà Võ Thị Hồng M là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu tiền số 0028491 ngày 31/7/2019, bà M đã nộp đủ nên không phải nộp nữa.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thanh Quang